

Phụ lục II
MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU
TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Công văn số /ĐTTK-TTDL ngày / /2026
của Ban Điều tra thống kê)

Mẫu biên bản nghiệm thu số 1
Áp dụng cho BCD cấp xã nghiệm thu
đối với Điều tra viên

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KINH TẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
KẾT QUẢ TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2026

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 2026, được sự ủy nhiệm của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế (viết gọn là BCD) xã/phường/đặc khu, tại..... đại diện BCD xã/phường/đặc khu tiến hành nghiệm thu kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2026 của Điều tra viên [tên điều tra viên].

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ NGHIỆM THU

1. Bên nghiệm thu: Đại diện BCD xã/phường/đặc khu

Ông/Bà:

Chức vụ:

- Ông/Bà:

Chức vụ:

- Ông/Bà:

Chức vụ:

2. Bên được nghiệm thu: Điều tra viên

Ông/Bà:

Mã số Điều tra viên:

Điện thoại liên hệ:.....

II. NỘI DUNG NGHIỆM THU

Hai bên đã tiến hành nghiệm thu kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2026 do Điều tra viên [tên điều tra viên] thực hiện theo phân công. Sau khi kiểm tra, đối chiếu với các yêu cầu và tiêu chí đã đề ra, hai bên thống nhất đánh giá kết quả như sau:

1. Số lượng phiếu điều tra

STT	Loại phiếu điều tra	Số phiếu được phân công (Phiếu)	Số phiếu được nghiệm thu (Phiếu)	Tỷ lệ thu phiếu của ĐTV (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
1	Phiếu cá thể			
1.1	Phiếu 7/CT-TB			
1.2	Phiếu 7.1/CT-CN			
1.3	Phiếu 7.2/CT-VT			
1.4	Phiếu 7.3/CT-LT			
1.5	Phiếu 7.4/CT-TM			
1.6	Phiếu 7.5/CT-MAU			
1.7	Phiếu 7.6/CT-VT-MAU			
1.8	Phiếu 7.7/CT-LT-MAU			
2	Phiếu tổ hợp tác			
	Phiếu 8/THT			
	Phiếu 8/THT - Câu 1.1 mã 1			
	Phiếu 8/THT - Câu 1.1 mã 2			
3	Tôn giáo, tín ngưỡng			
	Phiếu 9/TG			

2. Chất lượng phiếu điều tra

STT	Loại phiếu điều tra	Số lượng phiếu được nghiệm thu (Phiếu)	Số lượng phiếu có sai sót (Phiếu)	Tỷ lệ phiếu có sai sót (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=2/1*100$
1	Phiếu cá thể			
1.1	Phiếu 7/CT-TB			
1.2	Phiếu 7.1/CT-CN			
1.3	Phiếu 7.2/CT-VT			
1.4	Phiếu 7.3/CT-LT			
1.5	Phiếu 7.4/CT-TM			
1.6	Phiếu 7.5/CT-MAU			

STT	Loại phiếu điều tra	Số lượng phiếu được nghiệm thu (Phiếu)	Số lượng phiếu có sai sót (Phiếu)	Tỷ lệ phiếu có sai sót (%)
1.7	Phiếu 7.6/CT-VT-MAU			
1.8	Phiếu 7.7/CT-LT-MAU			
2	Phiếu tổ hợp tác			
	Phiếu 8/THT			
	Phiếu 8/THT - Câu 1.1 mã 1			
	Phiếu 8/THT - Câu 1.1 mã 2			
3	Tôn giáo, tín ngưỡng			
	Phiếu 9/TG			

Căn cứ kết luận trên, Đoàn nghiệm thu của BCD xã/phường/đặc khu xác nhận kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2026 do Điều tra viên [tên điều tra viên] tiến hành xử lý kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2026.

Biên bản này được hai bên ký và lập thành 4 bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 2 bản.

Đại diện Ban Chỉ đạo
TĐTKT 2026 xã/phường/đặc khu
(ký, ghi rõ họ tên)

Điều tra viên
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu biên bản nghiệm thu số 2

Áp dụng cho BCD cấp tỉnh nghiệm thu Điều tra viên phiếu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; Chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; hội, hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KINH TẾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
KẾT QUẢ TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2026

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 2026, được sự ủy nhiệm của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế (viết gọn là BCD) tỉnh/thành phố, tại..... đoàn nghiệm thu của BCD tỉnh/thành phố tiến hành nghiệm thu kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2026 của Điều tra viên [tên điều tra viên].

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ NGHIỆM THU**1. Bên nghiệm thu: Đại diện BCD tỉnh/thành phố**

Ông/Bà:

Chức vụ:

- Ông/Bà:

Chức vụ:

- Ông/Bà:

Chức vụ:

2. Bên được nghiệm thu: Điều tra viên

Ông/Bà:

Mã số Điều tra viên:

Điện thoại liên hệ:.....

II. NỘI DUNG NGHIỆM THU

Hai bên đã tiến hành nghiệm thu kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2026 do Điều tra viên [tên điều tra viên] thực hiện theo phân công. Sau khi kiểm tra, đối chiếu với các yêu cầu và tiêu chí đã đề ra, hai bên thống nhất đánh giá kết quả như sau:

1. Số lượng phiếu điều tra

STT	Loại phiếu điều tra	Số phiếu được phân công (Phiếu)	Số phiếu được nghiệm thu (Phiếu)	Tỷ lệ thu phiếu của ĐTV (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=2/1*100$
1	Phiếu Doanh nghiệp			
1.1	Phiếu 1/DN-TB			

STT	Loại phiếu điều tra	Số phiếu được phân công (Phiếu)	Số phiếu được nghiệm thu (Phiếu)	Tỷ lệ thu phiếu của ĐTV (%)
	Doanh nghiệp có mã tình trạng hoạt động 1; 2, 5.1 và có số liệu			
	Doanh nghiệp có tình trạng Mã 2 và không có số liệu); Mã 3 hoặc Mã 4 và trong danh sách ban đầu thuộc tình trạng 1,2,5; Mã 5.2; Mã 5.3			
1.2	Phiếu 1.1/DN-CN			
1.3	Phiếu 1.2/DN-XD			
1.4	Phiếu 1.3/DN-VTKB			
1.5	Phiếu 1.4/DN-LT			
1.6	Phiếu 1.5/DN-LH			
1.7	Phiếu 1.6/DN-DVGC			
1.8	Phiếu 1.7/DN-FATS			
1.9	Phiếu 1.8/DN-TCTD			
1.10	Phiếu 1.9/DN-BH			
1.11	Phiếu 1.10/DN-VĐT			
1.12	Phiếu 1.11/DN-NL			
1.13	Phiếu 1.12/DN-TM			
1.14	Phiếu 1.13/DN-DVK			
1.15	Phiếu 1.14/DN-YT			
1.16	Phiếu 1.15/DN-GD			
1.17	Phiếu 1.17/DN-XNKDV			
2	Chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam			
	Phiếu 2/DN-NN			
3	Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập			
	Phiếu 3/SN			

STT	Loại phiếu điều tra	Số phiếu được phân công (Phiếu)	Số phiếu được nghiệm thu (Phiếu)	Tỷ lệ thu phiếu của ĐTV (%)
4	Hội, hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam			
	Phiếu 4/HH			

2. Chất lượng phiếu điều tra

STT	Loại phiếu điều tra	Số lượng phiếu được nghiệm thu (Phiếu)	Số lượng phiếu có sai sót (Phiếu)	Tỷ lệ phiếu có sai sót (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=2/1*100$
1	Phiếu Doanh nghiệp			
1.1	Phiếu 1/DN-TB			
	Doanh nghiệp có mã tình trạng hoạt động 1; 2, 5.1 và có số liệu			
	Doanh nghiệp có tình trạng Mã 2 và không có số liệu); Mã 3 hoặc Mã 4 và trong danh sách ban đầu thuộc tình trạng 1,2,5; Mã 5.2; Mã 5.3			
1.2	Phiếu 1.1/DN-CN			
1.3	Phiếu 1.2/DN-XD			
1.4	Phiếu 1.3/DN-VTKB			
1.5	Phiếu 1.4/DN-LT			
1.6	Phiếu 1.5/DN-LH			
1.7	Phiếu 1.6/DN-DVGC			
1.8	Phiếu 1.7/DN-FATS			
1.9	Phiếu 1.8/DN-TCTD			
1.10	Phiếu 1.9/DN-BH			
1.11	Phiếu 1.10/DN-VĐT			

STT	Loại phiếu điều tra	Số lượng phiếu được nghiệm thu (Phiếu)	Số lượng phiếu có sai sót (Phiếu)	Tỷ lệ phiếu có sai sót (%)
1.12	Phiếu 1.11/DN-NL			
1.13	Phiếu 1.12/DN-TM			
1.14	Phiếu 1.13/DN-DVK			
1.15	Phiếu 1.14/DN-YT			
1.16	Phiếu 1.15/DN-GD			
1.17	Phiếu 1.17/DN-XNKDV			
2	Chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam			
	Phiếu 2/DN-NN			
3	Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập			
	Phiếu 3/SN			
4	Hội, hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam			
	Phiếu 4/HH			

Căn cứ kết luận trên, Đoàn nghiệm thu của BCD tỉnh/thành phố xác nhận kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2026 do Điều tra viên [tên điều tra viên] [đạt yêu cầu/không đạt yêu cầu] tiến hành xử lý kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2026.

Biên bản này được hai bên ký và lập thành 4 bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 2 bản.

**Đại diện Ban Chỉ đạo
TĐTKT 2026 tỉnh/thành phố**
(ký, ghi rõ họ tên)

Điều tra viên
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu biên bản nghiệm thu số 3
Áp dụng cho BCD cấp tỉnh nghiệm thu BCD cấp xã

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KINH TẾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
KẾT QUẢ TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2026

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 2026, được sự ủy nhiệm của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế (viết gọn là BCD) tỉnh/thành phố, tại..... đoàn nghiệm thu của BCD tỉnh/thành phố tiến hành nghiệm thu kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2026 của BCD xã/phường/đặc khu

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ NGHIỆM THU

1. Bên nghiệm thu: Đoàn nghiệm thu của BCD tỉnh/thành phố

Trưởng đoàn:

Ông/Bà:

Chức vụ:

Thành viên

- Ông/Bà:

Chức vụ:

- Ông/Bà:

Chức vụ:

2. Bên được nghiệm thu: Đại diện BCD xã/phường/đặc khu

Trưởng/Phó Trưởng ban BCD xã/phường/đặc khu

Ông/Bà:

Chức vụ:

Thành viên

- Ông/Bà:

Chức vụ:

- Ông/Bà:

Chức vụ:

II. NỘI DUNG NGHIỆM THU

1. Báo cáo quá trình tổ chức chỉ đạo và kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2026 của xã/phường/đặc khu

- Công tác thành lập BCD cấp xã;
- Công tác tuyên truyền: nêu các hình thức tuyên truyền từng giai đoạn;
- Công tác tập huấn: nêu số lượng các lớp và tổng số người tham dự;
- Công tác tuyển chọn và số lượng điều tra viên: nêu thông tin chi tiết về số lượng điều tra viên (định mức, thực tế), chênh lệch giữa định mức và thực tế (nếu từ 15% trở lên cần giải thích lý do chênh lệch);
- Công tác triển khai điều tra: số lượng thu được các loại phiếu so với kết quả rà soát, lập danh sách và giải thích chênh lệch (nếu có).

2. Số lượng phiếu điều tra (tiêu chí 2)

Đơn vị tính: Phiếu

STT	Loại phiếu điều tra	Số lượng phiếu được phân công	Số phiếu được nghiệm thu (Phiếu)	Tỷ lệ Thu phiếu (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
1	Phiếu cá thể			
1.1	Phiếu 7/CT-TB			
1.2	Phiếu 7.1/CT-CN			
1.3	Phiếu 7.2/CT-VT			
1.4	Phiếu 7.3/CT-LT			
1.5	Phiếu 7.4/CT-TM			
1.6	Phiếu 7.5/CT-MAU			
1.7	Phiếu 7.6/CT-VT-MAU			
1.8	Phiếu 7.7/CT-LT-MAU			
2	Phiếu tổ hợp tác			
	Phiếu 8/THT			
	Phiếu 8/THT - Câu 1.1 mã 1			
	Phiếu 8/THT - Câu 1.1 mã 2			
3	Tôn giáo, tín ngưỡng			
	Phiếu 9/TG			

3. Chất lượng phiếu điều tra (tiêu chí 3)

STT	Loại phiếu điều tra	Số câu hỏi trong phiếu kiểm tra	Số lượng lỗi sai sót	Tỷ lệ sai sót (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=2/1*100$
1	Phiếu cá thể			
1.1	Phiếu 7/CT-TB			
1.2	Phiếu 7.1/CT-CN			
1.3	Phiếu 7.2/CT-VT			
1.4	Phiếu 7.3/CT-LT			
1.5	Phiếu 7.4/CT-TM			
1.6	Phiếu 7.5/CT-MAU			
1.7	Phiếu 7.6/CT-VT-MAU			
1.8	Phiếu 7.7/CT-LT-MAU			
2	Phiếu tổ hợp tác			
	Phiếu 8/THT			
	Phiếu 8/THT - Câu 1.1 mã 1			
	Phiếu 8/THT - Câu 1.1 mã 2			
3	Tôn giáo, tín ngưỡng			
	Phiếu 9/TG			

Đánh giá chung chất lượng phiếu

STT	Loại phiếu điều tra	Kết quả nghiệm thu	Phân loại phiếu			
			Không đạt yêu cầu	Đạt yêu cầu	Khá	Giỏi
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Phiếu cá thể					
	Tiêu chí (2)					
	Tiêu chí (3)					
2	Phiếu tổ hợp tác					
	Tiêu chí (2)					
	Tiêu chí (3)					
3	Phiếu Tôn giáo, tín ngưỡng					
	Tiêu chí (2)					
	Tiêu chí (3)					

Ghi chú: Ghi kết quả đánh giá của Tiêu chí (2), Tiêu chí (3) vào cột “C”, đánh dấu “X” vào vào các cột từ “Cột 1” đến “Cột 4” dựa vào quy định xếp loại chất lượng quy định trong mục 2, phần IV tại phụ lục I của quy trình nghiệm thu. Không ghi số liệu vào ô có màu sẫm.

4. Công tác nghiệm thu

Thời gian tiến hành: Từ ngày.....

Thời gian hoàn thành: Ngày.....

III. KẾT LUẬN CỦA ĐOÀN NGHIỆM THU

1. Các tài liệu liên quan: Báo cáo quá trình tổ chức chỉ đạo triển khai, triển khai TĐT; Giải trình chênh lệch so với danh sách rà soát, lập danh sách. (Ghi rõ đạt hoặc không đạt yêu cầu).

2. Đánh giá kết quả thực hiện Tổng điều tra

Căn cứ kết quả đánh giá công tác chỉ đạo Tổng điều tra và kiểm tra chất lượng phiếu mục II, mức độ hoàn thành như sau:

Tiêu chí (1): đạt loại....

Chất lượng phiếu điều tra

- Phiếu doanh nghiệp: đạt....

- Phiếu Chi nhánh, Văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam: đạt.....

- Phiếu đơn vị sự nghiệp ngoài công lập: đạt loại....

- Phiếu Hội, hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam: đạt loại...

- Phiếu cá thể: đạt loại....

- Phiếu tổ hợp tác: đạt loại....

- Phiếu tôn giáo, tín ngưỡng: đạt loại...

Kết luận chung kết quả thực hiện Tổng điều tra: đạt loại.....3.

Đánh giá chung

Căn cứ kết luận trên, đoàn nghiệm thu BCD tỉnh/thành phố xác nhận các loại phiếu điều tra của BCD xã/phường/đặc khu [đủ/chưa đủ] điều kiện tiến hành xử lý kết quả Tổng điều tra.

Biên bản này được hai bên ký và lập thành 4 bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 2 bản.

**Đoàn nghiệm thu Ban Chỉ đạo
TĐT 2026 tỉnh/thành phố**
(*Trưởng đoàn ký, ghi rõ họ tên*)

**Ban Chỉ đạo TĐT 2026
xã/phường/đặc khu**
(*Trưởng/Phó Trưởng ban ký, ghi rõ
họ tên, đóng dấu*)

II. NỘI DUNG NGHIỆM THU

1. Báo cáo quá trình tổ chức chỉ đạo và kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2026 của tỉnh/thành phố

- Công tác thành lập BCD, Tổ thường trực: nêu quá trình và thời gian thành lập BCD, Tổ thường trực các cấp;
- Công tác tuyên truyền: nêu các hình thức tuyên truyền từng giai đoạn;
- Công tác tập huấn: Nêu số lượng các lớp và tổng số người tham dự các cấp;
- Công tác tuyển chọn và số lượng điều tra viên: nêu thông tin chi tiết về số lượng điều tra viên (định mức, thực tế), chênh lệch giữa định mức và thực tế (nếu từ 15% trở lên cần giải thích lý do chênh lệch);
- Công tác triển khai điều tra: số lượng thu được các loại phiếu so với kết quả rà soát, lập danh sách và giải thích chênh lệch (nếu có).

2. Số lượng phiếu điều tra (Tiêu chí 2)

STT	Loại phiếu điều tra	Số lượng phiếu được phân công (Phiếu)	Số phiếu được nghiệm thu (Phiếu)	Tỷ lệ Thu phiếu (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
1	Phiếu Doanh nghiệp			
1.1	Phiếu 1/DN-TB			
	Doanh nghiệp có mã tình trạng hoạt động 1; 2, 5.1 và có số liệu			
	Doanh nghiệp có tình trạng Mã 2 và không có số liệu); Mã 3 hoặc Mã 4 và trong danh sách ban đầu thuộc tình trạng 1,2,5; Mã 5.2; Mã 5.3			
1.2	Phiếu 1.1/DN-CN			
1.3	Phiếu 1.2/DN-XD			
1.4	Phiếu 1.3/DN-VTKB			
1.5	Phiếu 1.4/DN-LT			
1.6	Phiếu 1.5/DN-LH			
1.7	Phiếu 1.6/DN-DVGC			
1.8	Phiếu 1.7/DN-FATS			
1.9	Phiếu 1.8/DN-TCTD			
1.10	Phiếu 1.9/DN-BH			
1.11	Phiếu 1.10/DN-VĐT			
1.12	Phiếu 1.11/DN-NL			

STT	Loại phiếu điều tra	Số lượng phiếu được phân công (Phiếu)	Số phiếu được nghiệm thu (Phiếu)	Tỷ lệ Thu phiếu (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
1.13	Phiếu 1.12/DN-TM			
1.14	Phiếu 1.13/DN-DVK			
1.15	Phiếu 1.14/DN-YT			
1.16	Phiếu 1.15/DN-GD			
1.17	Phiếu 1.17/DN-XNKDV			
2	Chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam			
	Phiếu 2/DN-NN			
3	Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập			
	Phiếu 3/SN			
4	Hội, hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam			
	Phiếu 4/HH			
5	Phiếu cá thể			
5.1	Phiếu 7/CT-TB			
5.2	Phiếu 7.1/CT-CN			
5.3	Phiếu 7.2/CT-VT			
5.4	Phiếu 7.3/CT-LT			
5.5	Phiếu 7.4/CT-TM			
5.6	Phiếu 7.5/CT-MAU			
5.7	Phiếu 7.6/CT-VT-MAU			
5.8	Phiếu 7.7/CT-LT-MAU			
6	Phiếu tổ hợp tác			
	Phiếu 8/THT			
	Phiếu 8/THT - Câu 1.1 mã 1			
	Phiếu 8/THT - Câu 1.1 mã 2			
7	Tôn giáo, tín ngưỡng			
	Phiếu 9/TG			

3. Đánh giá chất lượng phiếu (Tiêu chí 3)

STT	Loại phiếu điều tra	Số câu hỏi trong phiếu kiểm tra	Số lượng lỗi sai sót	Tỷ lệ sai sót (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=2/1*100$
1	Phiếu Doanh nghiệp			
1.1	Phiếu 1/DN-TB			
	Doanh nghiệp có mã tình trạng hoạt động 1; 2, 5.1 và có số liệu			
1.2	Phiếu 1.1/DN-CN			
1.3	Phiếu 1.2/DN-XD			
1.4	Phiếu 1.3/DN-VTKB			
1.5	Phiếu 1.4/DN-LT			
1.6	Phiếu 1.5/DN-LH			
1.7	Phiếu 1.6/DN-DVGC			
1.8	Phiếu 1.7/DN-FATS			
1.9	Phiếu 1.8/DN-TCTD			
1.10	Phiếu 1.9/DN-BH			
1.11	Phiếu 1.10/DN-VĐT			
1.12	Phiếu 1.11/DN-NL			
1.13	Phiếu 1.12/DN-TM			
1.14	Phiếu 1.13/DN-DVK			
1.15	Phiếu 1.14/DN-YT			
1.16	Phiếu 1.15/DN-GD			
1.17	Phiếu 1.17/DN-XNKDV			
2	Chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam			
	Phiếu 2/DN-NN			
3	Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập			
	Phiếu 3/SN			
4	Hội, hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam			
	Phiếu 4/HH			
5	Phiếu cá thể			
5.1	Phiếu 7/CT-TB			
5.2	Phiếu 7.1/CT-CN			

STT	Loại phiếu điều tra	Số câu hỏi trong phiếu kiểm tra	Số lượng lỗi sai sót	Tỷ lệ sai sót (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=2/1*100$
5.3	Phiếu 7.2/CT-VT			
5.4	Phiếu 7.3/CT-LT			
5.5	Phiếu 7.4/CT-TM			
5.6	Phiếu 7.5/CT-MAU			
5.7	Phiếu 7.6/CT-VT-MAU			
5.8	Phiếu 7.7/CT-LT-MAU			
6	Phiếu tổ hợp tác			
	Phiếu 8/THT			
	Phiếu 8/THT - Câu 1.1 mã 1			
7	Tôn giáo, tín ngưỡng			
	Phiếu 9/TG			

4. Kết quả đánh giá, kiểm tra chất lượng phiếu điều tra

STT	Loại phiếu điều tra	Kết quả nghiệm thu	Phân loại phiếu			
			Không đạt yêu cầu	Đạt yêu cầu	Khá	Giỏi
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Phiếu Doanh nghiệp					
	Tiêu chí (2)					
	Tiêu chí (3)					
2	Chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam					
	Tiêu chí (2)					
	Tiêu chí (3)					
3	Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập					
	Tiêu chí (2)					
	Tiêu chí (3)					
4	Hội, hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam					
	Tiêu chí (2)					
	Tiêu chí (3)					
5	Phiếu cá thể					
	Tiêu chí (2)					
	Tiêu chí (3)					

STT	Loại phiếu điều tra	Kết quả nghiệm thu	Phân loại phiếu			
			Không đạt yêu cầu	Đạt yêu cầu	Khá	Giỏi
6	Phiếu tổ hợp tác					
	Tiêu chí (2)					
	Tiêu chí (3)					
7	Phiếu Tôn giáo, tín ngưỡng					
	Tiêu chí (2)					
	Tiêu chí (3)					

Ghi chú: Ghi kết quả đánh giá của Tiêu chí (2), Tiêu chí (3) vào cột “C”, đánh dấu “X” vào vào các cột từ “Cột 1” đến “Cột 4” dựa vào quy định xếp loại chất lượng quy định trong mục 2, phần IV tại phụ lục I của quy trình nghiệm thu. Không ghi số liệu vào ô có màu sẫm.

5. Công tác nghiệm thu

Thời gian tiến hành: Từ ngày.....

Thời gian hoàn thành: Ngày.....

III. KẾT LUẬN CỦA ĐOÀN NGHIỆM THU

1. Các tài liệu liên quan: Báo cáo quá trình tổ chức chỉ đạo triển khai, triển khai TĐT; Giải trình chênh lệch so với danh sách rà soát, lập danh sách. (Ghi rõ đạt hoặc không đạt yêu cầu).

2. Đánh giá mức độ thực hiện Tổng điều tra

Căn cứ kết quả đánh giá công tác chỉ đạo Tổng điều tra và kiểm tra chất lượng phiếu mục II, mức độ hoàn thành như sau:

Tiêu chí (1): đạt loại....

Tiêu chí (4): đạt loại....

Chất lượng phiếu điều tra

- Phiếu doanh nghiệp: đạt....
- Phiếu Chi nhánh, Văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam: đạt.....
- Phiếu đơn vị sự nghiệp ngoài công lập: đạt loại....
- Phiếu Hội, hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam: đạt loại...
- Phiếu cơ sở SXKD cá thể: đạt loại....
- Phiếu tổ hợp tác: đạt loại....
- Phiếu cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: đạt loại...

Kết luận chung kết quả thực hiện Tổng điều tra: đạt loại.....

3. Đánh giá chung

Căn cứ kết luận trên, đoàn nghiệm thu BCD tỉnh/thành phố xác nhận các loại phiếu điều tra của BCD xã/phường/đặc khu [đủ/chưa đủ] điều kiện tiến hành xử lý kết quả Tổng điều tra.

Biên bản này được hai bên ký và lập thành 4 bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 2 bản.

**Đoàn nghiệm thu Ban Chỉ đạo
TĐTKT 2026 trung ương**
(Trưởng đoàn ký, ghi rõ họ tên)

**Ban Chỉ đạo TĐTKT 2026
tỉnh/thành phố**
*(Trưởng/Phó Trưởng ban ký, ghi rõ
họ tên, đóng dấu)*